

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
KHÁNH HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 11

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 4
(Tên cơ sở giáo dục): TRƯỜNG THCS KHÁNH HỘI.

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
Năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	27	1.2 m ² /học sinh
II	Loại phòng học	Kiên cố	-
1	Phòng học kiên cố	27	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	09	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	02	-
7	Bình quân lớp/phòng học	45	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	3119,8 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	679 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	2268 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1440 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	616 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	100 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	72 m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	m ²	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	0	
1.1	Khối lớp 6	2	2 bộ/lớp

1.2	Khối lớp 7	2	2 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	2	2 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	40 m ²	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	85	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	30	
1	Ti vi	15	
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	
5	Bảng tương tác	02	



	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	72 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	320 m ²	450	1.4 m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	07		07		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 4, ngày 10 tháng 6 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Lê Trường Chinh

